

**LỚP K16A-D4B (BẬC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)**

|    |          |                 |        | Số Đvht :   | 2          | 3          | 2          | 3          | 4          | 3          | 2          |     |            |                   |                                           |
|----|----------|-----------------|--------|-------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|-----|------------|-------------------|-------------------------------------------|
|    |          |                 |        | Số thứ tự : | (1)        | (2)        | (3)        | (4)        | (5)        | (6)        | (7)        |     |            |                   |                                           |
| TT | Mã số    | Họ và tên       |        | Ngày sinh   | GĐTC       | TV         | XSTK       | HHC        | HPT        | TACS 2     | VS - KST   | ĐTB | Xếp loại   | Kết quả rèn luyện | Các MH/MĐ thi lại<br>(Stt MH/MĐ : Thi L1) |
| 1  | 16011035 | Đỗ Thị          | Năng   | 27/02/2004  | 9.6        | 7.2        | 9.6        | 7.9        | 8.3        | 7.1        | 7.0        | 7.8 | Khá        |                   |                                           |
| 2  | 16011038 | Lê Thảo         | Ngọc   | 30/01/2004  | <u>0.0</u> | <u>2.9</u> | <u>3.2</u> | 6.9        | 7.3        | 7.0        | <u>2.7</u> | 5.4 | Trung bình |                   | 3=50.0%(1:0)(3:0)(7:0)                    |
| 3  | 16011040 | Nguyễn Thị Hoài | Ngọc   | 04/09/2002  | <u>0.0</u> | <u>4.2</u> | 9.9        | 7.6        | 7.3        | <u>2.8</u> | 7.7        | 6.4 | T.bình khá |                   | 2=33.3%(1:0)(6:0)                         |
| 4  | 16011041 | Vũ Thị          | Nhi    | 13/03/2004  | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>1.5</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | 0.4 | Yếu        |                   | 6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)              |
| 5  | 16011032 | Vì Thị          | Oánh   | 25/06/2004  | 9.6        | 6.5        | 8.4        | 7.9        | 7.3        | 7.0        | 7.3        | 7.3 | Khá        |                   |                                           |
| 6  | 16011034 | Đại Bá          | Phú    | 01/02/2004  | <u>0.0</u> | <u>1.5</u> | <u>0.0</u> | <u>1.6</u> | <u>0.0</u> | <u>1.3</u> | <u>0.0</u> | 0.8 | Yếu        |                   | 6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)              |
| 7  | 16011027 | Hoàng Tú        | Phương | 26/07/2004  | 7.9        | 6.2        | 8.1        | <u>3.7</u> | 6.7        | 6.4        | 5.8        | 6.1 | T.bình khá |                   | 1=16.7%                                   |
| 8  | 16011025 | Khoảng Đại      | Quang  | 02/03/2004  | <u>0.0</u> | <u>1.4</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | 0.2 | Yếu        |                   | 6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)              |
| 9  | 16011020 | Lê Thị Diễm     | Quỳnh  | 24/01/2004  | 8.9        | 6.1        | 9.0        | 7.7        | 6.9        | 7.0        | 7.3        | 7.2 | Khá        |                   |                                           |
| 10 | 16011035 | Lê Xuân         | Sơn    | 04/07/2004  | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | 0.0 | Yếu        |                   | 6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)              |
| 11 | 16011040 | Nguyễn Hồng     | Sơn    | 05/03/1999  | 8.9        | 6.9        | 9.0        | 6.6        | 7.4        | 6.4        | 7.1        | 7.1 | Khá        |                   |                                           |
| 12 | 16011033 | Pờ Ha           | Sừ     | 14/04/2004  | <u>0.0</u> | <u>1.6</u> | <u>0.0</u> | 5.3        | 5.7        | <u>2.7</u> | <u>0.0</u> | 3.0 | Yếu        |                   | 4=66.7%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)               |
| 13 | 16011031 | Nguyễn Thị      | Thanh  | 27/02/2004  | 8.9        | 7.8        | 10.0       | 8.4        | 8.7        | 7.0        | 7.6        | 8.2 | Giỏi       |                   |                                           |
| 14 | 16011033 | Nguyễn Văn Minh | Thanh  | 31/12/1997  | 9.7        | 7.5        | 9.0        | 8.4        | 6.9        | 7.3        | 6.9        | 7.6 | Khá        |                   |                                           |
| 15 | 16011034 | Đặng Thị        | Thiên  | 10/08/2004  | 8.4        | 7.6        | 9.3        | 7.8        | 7.3        | 7.0        | 6.5        | 7.5 | Khá        |                   |                                           |
| 16 | 16011029 | Nguyễn Ngọc     | Thương | 11/01/2004  | 9.5        | 6.5        | 8.9        | 7.7        | 7.1        | <u>2.8</u> | 7.1        | 6.6 | T.bình khá |                   | 1=16.7%(6:0)                              |
| 17 | 16011031 | Khiếu Thị       | Thúy   | 21/03/2004  | 9.2        | 6.9        | 8.7        | 6.7        | 5.6        | 6.4        | 6.4        | 6.6 | T.bình khá |                   |                                           |
| 18 | 16011021 | Nguyễn Văn      | Trà    | 25/06/2004  | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | 0.0 | Yếu        |                   | 6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)              |
| 19 | 16011027 | Xa Thị Thuý     | Trang  | 06/11/2004  | <u>0.0</u> | 6.7        | 7.5        | 7.0        | 5.9        | <u>2.7</u> | 6.6        | 5.9 | Trung bình |                   | 1=16.7%(1:0)(6:0)                         |

|    |          |                        |            | Số Đvht :   | 2          | 3          | 2          | 3          | 4          | 3          | 2   |            |                   |                                           |
|----|----------|------------------------|------------|-------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|-----|------------|-------------------|-------------------------------------------|
|    |          |                        |            | Số thứ tự : | (1)        | (2)        | (3)        | (4)        | (5)        | (6)        | (7) |            |                   |                                           |
| TT | Mã số    | Họ và tên              | Ngày sinh  | GDTC        | TV         | XSTK       | HHC        | HPT        | TACS 2     | VS - KST   | ĐTB | Xếp loại   | Kết quả rèn luyện | Các MH/MĐ thi lại<br>(Stt MH/MĐ : Thi L1) |
| 20 | 16011040 | Nguyễn Thị Quỳnh Trang | 18/04/2003 | 9.2         | 6.7        | 7.2        | 7.3        | 6.0        | 7.0        | 7.0        | 6.8 | T.bình khá |                   |                                           |
| 21 | 16011006 | Dương Nam Trường       | 27/08/2001 | <u>0.0</u>  | <u>1.4</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>2.7</u> | <u>0.0</u> | 0.7 | Yếu        |                   | 6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)              |
| 22 | 16011022 | Bùi Anh Tuấn           | 25/11/2004 | <u>0.0</u>  | <u>2.6</u> | 7.0        | 7.1        | 5.4        | 6.9        | 5.0        | 5.6 | Trung bình |                   | 1=16.7%(1:0)                              |
| 23 | 16011040 | Lê Chí Tuấn            | 26/10/2003 | 8.1         | 6.9        | 8.7        | 7.2        | 6.6        | 6.5        | 7.1        | 7.0 | Khá        |                   |                                           |
| 24 | 16011032 | Nguyễn Thị Tuyết       | 20/06/2004 | 8.3         | 7.2        | 9.4        | 8.2        | 6.3        | 7.0        | <u>0.0</u> | 6.5 | T.bình khá |                   | 1=16.7%(7:0)                              |
| 25 | 16011020 | Nguyễn Thị Cẩm Vân     | 14/11/2004 | <u>0.0</u>  | <u>1.6</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | 0.3 | Yếu        |                   | 6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)              |
| 26 | 16011034 | Nguyễn Khánh Vân       | 30/08/2004 | <u>0.0</u>  | 7.7        | 9.9        | 7.7        | 6.7        | 7.0        | 6.5        | 7.5 | Khá        |                   | (1:0)                                     |
| 27 | 16011032 | Tạ Thị Hà Vi           | 05/11/2004 | 9.5         | 7.8        | 8.1        | 7.4        | 7.0        | 7.6        | 6.9        | 7.4 | Khá        |                   |                                           |
| 28 | 16011036 | Nguyễn Đức Việt        | 01/03/2004 | 7.7         | <u>4.0</u> | 6.3        | 7.2        | 7.3        | 6.9        | 6.5        | 6.4 | T.bình khá |                   | 1=16.7%                                   |
| 29 | 16011027 | Nguyễn Huy Vũ          | 16/06/2000 | <u>0.0</u>  | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>1.3</u> | <u>0.0</u> | 0.2 | Yếu        |                   | 6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)              |
| 30 | 16011038 | Nguyễn Mạnh Hoàng Tùng | 18/01/2004 | <u>0.0</u>  | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | <u>0.0</u> | 0.0 | Yếu        |                   | 6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)              |

**Xếp loại học tập:** Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 1 (3.3%), Khá: 9 (30.0%), T.bình khá: 7 (23.3%), Trung bình: 3 (10.0%), Yếu: 10 (33.3%),  
**Xếp loại rèn luyện:** Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**TPHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Lê Thanh Sơn**

**Ghi chú:**

(1) GDTC: GIÁO DỤC THỂ CHẤT  
(5) HPT: HÓA PHÂN TÍCH

(2) TV: THỰC VẬT  
(6) TACS 2 : TIẾNG ANH CƠ SỞ 2

(3) XSTK: XÁC SUẤT THỐNG KÊ  
(7) VS - KST: VI SINH KÝ SINH TRÙNG

(4) HHC: HÓA HỮU CƠ